

Bản án số: **08/2020/HSST**
Ngày 25 - 02- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Tổ – Ông Ngô Trọng Thế

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Quang Sáng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:
Ông Phan Lê Tời - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2020/HSST, ngày 08 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Nguyễn Thành T** - sinh ngày 01 tháng 6 năm 1985 tại xã Y, huyện D, tỉnh N; nơi cư trú: xóm 15, xã Y, huyện D, tỉnh N; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị H; vợ Nguyễn Thị T và 3 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 21/5/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu xử phạt 24 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Tạm giữ, tạm giam: 06/9/2019 cho đến nay. Có mặt.

2. Bị cáo **Nguyễn Xuân P** - sinh ngày 01 tháng 4 năm 1982 tại xã H, huyện D, tỉnh N; nơi cư trú: xóm H, xã H, huyện D, tỉnh N; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị B; vợ Nguyễn Thị T và 5 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 27/4/2006 bị Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu xử phạt 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; ngày 27/8/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Tạm giữ, tạm giam: 09/9/2019 cho đến nay. Có mặt.

3. Bị cáo **Nguyễn Văn T** - sinh ngày 27 tháng 12 năm 1980 tại xã H, huyện D, tỉnh N; nơi cư trú: xóm H, xã H, huyện D, tỉnh N; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị B; vợ Chu Thị T và 2 con; tiền án, tiền sự:

không; nhân thân: ngày 30/8/2001 bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 36 tháng tù về tội “Cướp tài sản của công dân”; ngày 23/6/2009 bị Tòa án nhân dân TP. Vinh xử phạt 25 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Tạm giữ, tạm giam: 07/9/2019 cho đến nay. Có mặt.

4. Bị cáo **Nguyễn Văn S** - sinh ngày 05 tháng 3 năm 1965 tại xã H, huyện D, tỉnh N; nơi cư trú: xóm 1, xã L, huyện D, tỉnh N; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng K(chết) và bà Lê Thị T(chết); vợ Hồ Thị H(chết) và 6 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 28/7/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu xử phạt 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Tạm giữ, tạm giam: 06/9/2019 cho đến nay. Có mặt.

- Người bị hại:

1. Chị Phạm Thị H - sinh năm 1979

Trú tại: Xóm 14, xã Y, huyện D, tỉnh N.

2. Chị Ngô Thị Y - sinh năm 1967

Trú tại: Xóm T, xã Đ, huyện Y, tỉnh N.

3. Ông Luyện Hồng T - sinh năm 1955

Trú tại: Xóm P, xã Đ, huyện Y, tỉnh N.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Ngọc N - sinh năm 1967

Trú tại: Xóm 1, xã L, huyện D, tỉnh N.

2. Bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1959

Trú tại: Xóm 1, xã L, huyện D, tỉnh N.

3. Anh Nguyễn Hồng T - sinh năm 1977

Trú tại: Xóm H, xã DH, huyện D, tỉnh N.

(Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trên cơ sở kết quả điều tra đã xác định được như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 13/8/2019, Nguyễn Xuân P gọi điện thoại cho Nguyễn Thành T nói “Đi lên xã Đ lấy gỗ không” (ý là P rủ T đi trộm cắp gỗ) thì T trả lời “có, đi lên nhà choa đi”. Sau đó, P điều khiển xe mô tô đi đến nhà T. Trên đường đi đến nhà T, Nguyễn Xuân P đi thẳng đến bãi gỗ của bà Ngô Thị Y, sinh năm 1967, trú tại xóm T, xã Đ, huyện Y và lấy trộm 02 khối(tám) gỗ Dổi rồi chở đến nhà T cất giấu. Sau khi cất giấu xong, P nói với T “mi ở nhà chờ đó, tau đi lấy thêm ít tấm nữa” thì T đồng ý. P tiếp tục điều khiển chiếc xe mô tô này quay lại bãi gỗ của bà Ngô Thị Y lấy trộm 03 khối gỗ Bộp, 03 khối gỗ Hương đỏ Lào, 02 khối gỗ Sú rồi chở về nhà T cất giấu cùng 02 khối gỗ Dổi đã lấy trộm trước đó.

Vụ thứ hai: Khoảng 00 giờ 00 phút ngày 14/8/2019, Nguyễn Xuân P gọi điện thoại rủ Nguyễn Thành T đi trộm gỗ thì T đồng ý. T điều khiển xe mô tô đến nhà P để đón P. Cả hai sử dụng xe mô tô đi đến bãi gỗ của bà Ngô Thị Y ở địa chỉ trên lấy trộm 01 khối gỗ Bộp rồi đem về nhà T cất giấu chung với số gỗ trộm trước đó ở vụ thứ nhất.

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 15/8/2019, T gọi điện cho Nguyễn Văn S, sinh năm 1965, trú tại xóm 01, xã L, huyện D hỏi “có gỗ bán anh mua không?” thì Nguyễn Văn S trả lời “đưa gỗ lên xem”. Nguyễn Xuân P cùng Nguyễn Thành T bốc số gỗ đã trộm được (ở vụ thứ nhất và vụ thứ hai) lên xe Kiến An của T rồi dùng xe mô tô kéo xe gỗ đến nhà Nguyễn Văn S để bán. Do quen biết các đối tượng này từ trước, biết các đối tượng này không có việc làm ổn định lại nghiện ma túy, việc bán gỗ lại diễn ra vào lúc trời tối nên S biết rõ số gỗ trên do T và P trộm cắp mà có. Vì vậy, sau khi xem gỗ, S trả giá số gỗ trên 600.000 đồng thì P và T đồng ý bán. Số tiền bán gỗ cả 2 tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 46/KL-HĐĐGTS ngày 30/10/2019 đã kết luận 11 khối gỗ mà Nguyễn Thành T và Nguyễn Xuân P đã trộm cắp của bà Ngô Thị Y trong ngày 13/8/2019 và ngày 14/8/2019 trị giá 6.100.000 đồng.

Vụ thứ 3: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 18/8/2019, P gọi điện thoại và rủ T đi trộm cắp gỗ thì T đồng ý. T điều khiển xe mô tô đến nhà chờ P đi đến bãi gỗ của bà Ngô Thị Y có địa chỉ như trên. Tại đây, T và P đã lấy trộm 07 khối gỗ Hương đỏ Lào rồi đưa về nhà T cất giấu. Đến khoảng 17 giờ ngày 19/8/2019, T gặp ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1967, trú tại xóm 1, xã L, huyện D. T nói “có mấy khối gỗ Hương đỏ Lào, cháu mua đã lâu, nay vợ chồng bỏ nhau, chú có mua không cháu bán cho”, ông Nguyễn Ngọc N trả lời “có thằng em đang làm nhà, cứ chờ lên đi, xem lấy được thì lấy, mà nếu gỗ ăn cắp tau không mua mô” thì T nói “gỗ của cháu chứ không phải gỗ ăn cắp mô” rồi sử dụng xe mô tô kéo theo xe Kiến An của T chở gỗ đến nhà ông Nguyễn Ngọc N. Tại đây, ông Nguyễn Ngọc N và T, P thỏa thuận mua bán số gỗ trên với giá 4.000.000 đồng. Số tiền này cae 2 tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 46/KL-HĐĐGTS ngày 30/10/2019 đã kết luận 07 khối gỗ Hương đỏ Lào mà T và P trộm cắp ngày 19/8/2019 trị giá 9.160.000 đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 23/08/2019, T điều khiển xe mô tô đến khu vực xã Đ thì gặp P. T rủ P đi trộm gỗ thì P đồng ý. T chở P về nhà T để lấy xe Kiến An rồi cả hai đến kho gỗ của chị Phạm Thị H, sinh năm 1979, ở xóm 15, xã Y, huyện D, tỉnh N để lấy trộm gỗ. Khi tới nơi, P đi vào kho lấy trộm gỗ rồi đẩy ra ngoài cho T bỏ lên xe Kiến An. Cả 2 đã lấy trộm của chị H tổng cộng 24 khối gỗ Hương đỏ Lào, 02 khối gỗ Đinh Thối chở về nhà Trung cất giấu. Đến khoảng 17 giờ 00 phút

cùng ngày, T đến nhà bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959, ở xóm 01, xã D, huyện D chơi và nói “có ít gỗ Hương ở nhà, giờ vợ chồng bỏ nhau rồi không dùng nữa, bà có mua không cháu chờ lên” thì bà H trả lời “chờ lên đây coi, lấy được thì tao lấy”. Sau đó T về nhà điều khiển xe mô tô kéo theo xe Kiến An chở 12 khối gỗ Hương đỏ Lào và 02 khối gỗ Đinh Thối lên nhà bà H. Tại đây, hai bên thống nhất mua bán số gỗ này giá 4.000.000 đồng. Số tiền bán gỗ các đối tượng đã tiêu xài hết.

Đến khoảng 17 giờ ngày 24/8/2019, T điều khiển xe mô tô trên chở P kéo theo xe Kiến An của chở 12 khối gỗ Hương đỏ Lào còn lại đến nhà anh Nguyễn Hồng T, sinh năm 1977, trú tại xóm H, xã DH, huyện D, tỉnh N. P nói “có ít gỗ Hương anh có mua không?” thì anh T hỏi “gỗ ra răng đó?” thì P trả lời “gỗ của thằng bạn nhờ bán giúp”, anh T hỏi “giá răng đó?” thì P nói “30.000 đồng một cân” thì anh T đồng ý. Sau khi cân số gỗ trên được tổng 220 kg, P và anh T thống nhất mua bán số gỗ trên với giá 6.500.000 đồng. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, do nghi ngờ số gỗ trên không có nguồn gốc rõ ràng nên anh T yêu cầu P lên chở gỗ về và trả lại tiền nhưng do số tiền bán gỗ, T và P đã tiêu xài cá nhân hết nên P không đến nhà anh T lấy lại gỗ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐGTS ngày 12/9/2019 số 45/KL-HĐĐGTS ngày 30/10/2019 và đã kết luận 24 khối gỗ Hương đỏ Lào và 02 khối gỗ Đinh Thối mà Nguyễn Thành T và Nguyễn Xuân P trộm cắp ngày 23/8/2019 trị giá 20.180.000 đồng.

Vụ thứ năm: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 25/8/2019, Nguyễn Văn Th gọi điện cho Nguyễn Thành T nói “có mấy khúc gỗ trong Đô Thành, tao thấy vừa tầm để bung, tao với mi vô trong lấy đi” (ý Nguyễn Văn Th rủ T đi trộm gỗ) thì T đồng ý. Th điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SUNTAN, BKS 51L6-0296 (chiếc xe này của gia đình Th) đến nhà chở T kéo theo xe Kiến An đến bãi gỗ ông Luyện Hồng T, sinh năm 1955, trú tại xóm P, xã Đ, huyện Y để trộm gỗ. Tại đây, T và Th lấy trộm 06 khối gỗ lim màu đen (loại lim nhập khẩu) rồi chở về nhà T cất giấu. Đến khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, T gọi điện thoại cho Nguyễn Văn S hỏi “có gỗ đây, ông có mua không” thì S nói “đưa lên đây xem, nếu rẻ thì mua”. T điều khiển xe mô tô kéo theo xe Kiến An của Nguyễn Thành T chở số gỗ trên đến nhà Nguyễn Văn S. Cũng như lần trước việc bán gỗ diễn ra vào lúc trời tối, ít người qua lại, thái độ của T lết lút nên S biết số gỗ này là tài sản trộm cắp. Vì vậy, sau khi kiểm tra gỗ S trả giá 6.000.000 đồng thì T đồng ý bán.

Tại Kết luận định giá số 42/KL-HĐĐGTS ngày 12/9/2019 đã kết luận 06 khối gỗ lim mà T và Th trộm cắp ngày 25/8/2019 trị giá 11.040.000 đồng.

Vụ thứ sáu: Khoảng 00 giờ 00 phút ngày 26/8/2019, P, Th và T rủ nhau đi trộm gỗ. Th điều khiển xe mô tô chở P và T kéo theo xe Kiến An của T đến bãi gỗ chị Trần Thị Y địa chỉ như ở trên để trộm gỗ. Tại đây, cả ba lấy trộm 01 khối gỗ Tạp, 01 khối gỗ Ràng Ràng và 03 khối gỗ Sú. Đến khoảng 04 giờ 30 phút cùng ngày các đối tượng chở số gỗ trên đến nhà Nguyễn Văn S để bán. T nói với Nguyễn Văn S “ông mua không?” thì Nguyễn Văn S nói “loại ni mục ai mua làm chi, bán củi cũng không cháy”, T nói tiếp “ông mua được mấy thì mua”. Cũng tương tự như những lần bán gỗ trước, lần này việc bán gỗ diễn ra lúc mờ sáng, ít người qua lại nên S biết rõ tài sản này là do các đối tượng trộm cắp mà có. Vì vậy, S trả giá số gỗ trên 2.000.000 đồng thì tất cả đồng ý.

Tại kết luận định giá tài sản số 46/KL-HĐĐGTS ngày 30/10/2019 đã kết luận 01 khối gỗ Tạp, 01 khối gỗ Ràng Ràng và 03 khối gỗ Sú mà T, P, Th trộm cắp ngày 26/8/2019 trị giá 2.940.000 đồng.

Vụ thứ bảy: khoảng 00 giờ 00 phút ngày 28/8/2019, T gọi điện rủ Th đi trộm cắp gỗ thì Th đồng ý. Nguyễn Văn Th điều khiển xe mô tô chở Trung kéo theo xe Kiến An đến bãi gỗ chị Phạm Thị H có địa chỉ như ở trên để trộm gỗ. Tại đây, cả hai lấy trộm 15 khối gỗ Hương đỏ Lào rồi chở về nhà T cất giấu. Đến khoảng 08 giờ 00 phút cùng ngày, T và Th chở số gỗ này đến nhà bà Nguyễn Thị H địa chỉ như trên để bán. Khi đến nơi, T hỏi “có ít gỗ đây, bà có mua nữa không?” thì bà H hỏi “gỗ mô mà nhiều rứa hay gỗ bay ăn trộm?” thì T nói “gỗ cháu mua lâu rồi, giờ vợ chồng bỏ nhau, không dùng nữa nên cháu bán chứ không phải gỗ ăn trộm”. Cả hai bên thống nhất giá 30.000 đồng/kg, sau khi cân được tổng 500 kg thì bà Hợi đưa cho Trung 15.000.000 đồng. Số tiền bán gỗ các đối tượng đã tiêu xài hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 45/KL-HĐĐGTS ngày 30/10/2019 đã kết luận 15 khối gỗ Hương đỏ Lào mà T và Th trộm cắp ngày 28/8/2019 trị giá 13.920.000 đồng.

Vụ thứ tám: khoảng 00 giờ 00 phút ngày 31/8/2019, Nguyễn Văn Th gọi điện thoại rủ Nguyễn Thành T đi trộm gỗ thì T đồng ý. Th điều khiển xe mô tô T kéo xe Kiến An của T đến bãi gỗ chị Phạm Thị H để trộm gỗ. Tại đây, các đối tượng lấy trộm 11 khối gỗ Đinh Thối bỏ lên xe Kiến An đưa về nhà S để bán cho S. Đến khoảng 04 giờ 00 phút cùng ngày, khi đến nhà S, T gọi điện thoại cho S hỏi “có xe gỗ, ông mở cửa xem mà mua”. Khi S đi ra xem gỗ, T nói “giá 30.000đồng/cân” nhưng S trả giá 20.000 đồng/1 kg nên T không bán. T và Th chở số gỗ trên đến nhà anh Nguyễn Hồng Th có địa chỉ như trên để bán. Khi đến nơi, T nói “có mấy khúc gỗ coi có lấy được không?” thì anh Th nói “gỗ bay trộm ở mô rồi nói gỗ Hương, tao không mua đâu” nên T và Th chở số gỗ trên về nhà T. Đến khoảng 17 giờ 00 phút

cùng ngày, cả hai chở số gỗ trên quay lại nhà Nguyễn Văn S để bán. Do đã nhiều lần biết và tiêu thụ tài sản do các đối tượng này trộm cắp nên lần này S chỉ đồng ý mua với giá 20.000 đồng/kg thì Tr và Th đồng ý bán. Tổng khối lượng gỗ là 313 kg nên hai bên thống nhất giá 6.000.000 đồng, S đưa cho T 2.000.000 đồng, còn nợ 4.000.000 đồng. Số tiền này cả 2 đã tiêu xài hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 45/KL-HĐĐGTS ngày 30/10/2019 đã kết luận 11 khối gỗ Đinh Thối mà Nguyễn Thành T và Nguyễn Văn Th trộm cắp ngày 31/8/2019 trị giá 9.720.000 đồng.

Vào các ngày 06/9/2019, 07/9/2019, 09/9/2019 Nguyễn Văn S, Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Xuân Ph đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y để đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Cơ quan điều tra đã tiến hành thu hồi lại toàn bộ tài sản mà các đối tượng đã chiếm đoạt và đã giao trả lại cho người bị hại theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 11/VKS-HS ngày 06/01/2020 của VKSND huyện Y đã truy tố: Nguyễn Thành T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự; Nguyễn Xuân P và Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự; Nguyễn Văn S về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật xử phạt bị cáo: Nguyễn Thành T từ 24-30 tháng tù; Nguyễn Xuân P, Nguyễn Văn Th mỗi bị cáo từ 18-24 tháng tù; Nguyễn Văn S từ 6-9 tháng tù.

Các bị cáo không có tranh luận gì, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ buộc tội: Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, điều tra viên; Viện kiểm sát, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, người liên quan và các tài liệu chứng cứ

khác có tại hồ sơ vụ án. Bị cáo T đã thực hiện 8 hành vi trộm cắp tài sản, tổng giá trị là 73.060.000 đồng; bị cáo P thực hiện 5 hành vi trộm cắp tài sản, tổng giá trị là 38.380.000 đồng; bị cáo Th thực hiện 4 hành vi trộm cắp tài sản, giá trị là 37.620.000 đồng; bị cáo S có 4 lần tiêu thụ tài sản của các đối tượng trên, tổng giá trị là 22.900.000 đồng. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố Nguyễn Thành T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự; Nguyễn Xuân P và Nguyễn Văn Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự; Nguyễn Văn S về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 điều 323 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm vào tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang, lo lắng cho người dân. Các bị cáo đều có nhân thân xấu. Vì thế, cần phải xử lý nghiêm minh bằng biện pháp hình sự để giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[2] Về tình tiết tăng nặng: Cả 4 bị cáo T, P, Th, S đều có tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ: Cả 4 bị cáo đều có tình tiết giảm nhẹ là quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, sau phạm tội đã ra đầu thú tại Cơ quan điều tra; ngoài ra, bị cáo T, S đều có người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo T còn có công giúp Công an xã Y, huyện D phát hiện tội phạm; bị cáo S là gia đình có công, có bố được tặng thưởng huy chương kháng chiến chống mỹ cứu nước. Do đó, cần cân đối để lên cho mỗi bị cáo một mức án đủ nghiêm, phù hợp với hành vi phạm tội và nhân thân của mỗi bị cáo, song nhất thiết phải cách ly cả 4 bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng nhằm để răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về hình phạt bổ sung: Lẽ ra phải áp dụng khoản 5 điều 173, khoản 5 điều 323 BLHS phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo, nhưng xét các bị cáo đều là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp hay thu nhập ổn định, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, nghĩ nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[5] Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nữa nên miễn xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Thành đã thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu SUNTAN, BKS 51L6-0296 của gia đình Nguyễn Văn Th, xác định đây không phải là phương tiện phạm tội nên cần tuyên trả lại cho bị cáo Th.

- 01 xe Kiến An là tài sản của Nguyễn Thành T, các đối tượng đã sử dụng để chở gỗ nên được coi là phương tiện phạm tội, cần phải tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ: điểm c khoản 2 điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 BLHS.

Xử phạt: **Nguyễn Thành T 24**(hai mươi tư) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”.
Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam: 06/9/2019.

[2] Căn cứ: Khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 BLHS.

Xử phạt: **Nguyễn Xuân P 20**(hai mươi) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”.
Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam: 09/9/2019.

[3] Căn cứ: Khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 BLHS.

Xử phạt: **Nguyễn Văn Th 20**(hai mươi) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”.
Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam: 07/9/2019.

[4] Căn cứ: Khoản 1 điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 BLHS.

Xử phạt: **Nguyễn Văn S 8**(tám) tháng tù, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam: 09/9/2019.

[5] Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, điều 46 BLHS; điểm a, c khoản 2 điều 106 BLTTHS.

- Tuyên trả lại bị cáo Nguyễn Văn Th: 01 xe mô tô nhãn hiệu SUNTAN, màu xanh BKS 51L6-0296, số khung: UM511-005829; số máy: FMH-00005829, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng(ủy quyền cho bà Lê Thị B(mẹ đẻ Th) nhận thay).

- Tuyên tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước: 01 xe kéo loại xe Kiến An bằng kim loại màu nâu, xe đã qua sử dụng.

(Tang vật đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện Y quản lý theo phiếu nhập kho số NK 0018 ngày 10/01/2020).

[6] Án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc mỗi bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Xuân Ph, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Công an YT
- Viện kiểm sát YT
- Viện kiểm sát Tỉnh
- Sở tư pháp NA
- Tòa án Tỉnh
- THA hình sự;
- THA Dân sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, lưu VP.

Phạm Văn Giang